



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

hij

je/jij

ik

we/wij

het

zij

wat

zij

jullie

waarom

waar

wie

wanneer

welke

hoe

echt

als

dan

niet

omdat

maar

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

Hoeveel kost dit?

Ik heb dit nodig

deze

of

alle

dat

Ik weet het

weten
wist, geweten

en

komen
kwam, gekomen

denken
dacht, gedacht

Ik weet het niet

vinden
vond, gevonden

nemen
nam, genomen

zetten
zette, gezet

praten
praatte, gepraat

werken
werkte, gewerkt

luisteren
luisterde, geluisterd

helpen
hielp, geholpen

leuk vinden
vond, gevonden

geven
gaf, gegeven

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

wachten
wachtte, gewacht

bellen
belde, gebeld

houden van
hield, gehouden

Hou je van mij?

Ik vind dit niet leuk

Ik vind je leuk

de
één
enen

de
nul
nullen

Ik hou van jou

de
vier
vieren

de
drie
drieën

de
twee
tweeën

de
zeven
zevens

de
zes
zessen

de
vijf
vijven

de
tien
tienen

de
negen
negens

de
acht
achten

dertien

twaaif

elf

14

15

16

17

18

19

20

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

zestien

vijftien

veertien

negentien

achttien

zeventien

oud

nieuw

twintig

hoeveel?

veel

weinig

correct

fout

hoeveel?

gelukkig

goed

slecht

klein

lang

kort

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

hier

daar

groot

mooi

links

rechts

hallo

oud

jong

wees voorzichtig

oké

tot later

goedendag

natuurlijk

maak je geen zorgen

tot ziens

doei

Hoi

dankjewel

sorry

excuseer mij

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

nu

ik wil dit

alsjeblieft

de
nacht
nachten

de
ochtend
ochtenden

de
namiddag
namiddagen

de
middag
middagen

de
avond
avonden

de
ochtend
ochtenden

de
minuut
minuten

het
uur
uren

de
middernacht

de
week
weken

de
dag
dagen

de
seconde
seconden

de
tijd
tijden

het
jaar
jaren

de
maand
maanden

gisteren

eergisteren

de
datum
datums

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

overmorgen

morgen

vandaag

de
woensdag
woensdagen

de
dinsdag
dinsdagen

de
maandag
maandagen

de
zaterdag
zaterdagen

de
vrijdag
vrijdagen

de
donderdag
donderdagen

het
leven
levens

Morgen is het zaterdag

de
zondag
zondagen

de
liefde
liefdes

de
man
mannen

de
vrouw
vrouwen

de
vriend
vrienden

de
vriendin
vriendinnen

de
vriendje
vriendjes

het
kind
kinderen

de
seks

de
kus
kussen

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đúng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

de
jongen
jongens

het
meisje
meisjes

de
baby
baby's

de
moeder
moeders

de
pa
pa's

de
ma
ma's

de
zoon
zoons

de
ouders

de
vader
vaders

het
broertje
broertjes

het
zusje
zusjes

de
dochter
dochters

staan
stond, gestaan

de
grote broer
grote broers

de
grote zus
grote zussen

sluiten
sloot, gesloten

liggen
lag, gelegen

zitten
zat, gezeten

winnen
won, gewonnen

verliezen
verloor, verloren

openen
opende, geopend

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

inschakelen
inschakelde, ingeschakeld

leven
leefde, geleefd

sterven
stierf, gestorven

verwonden
verwondde, verwond

vermoorden
vermoordde, vermoord

uitschakelen
uitschakelde, uitgeschakeld

drinken
dronk, gedronken

kijken
keek, gekeken

aanraken
aanraakte, aangeraakt

ontmoeten
ontmoette, ontmoet

lopen
liep, gelopen

eten
at, gegeten

volgen
volgde, gevolgd

kussen
kuste, gekust

wedden
wedde, gewed

vragen
vraagde, gevraagd

antwoorden
antwoordde, geantwoord

trouwen
trouwde, getrouwd

het
bedrijf
bedrijven

het
bedrijf
bedrijven

de
vraag
vragen

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

de
telefoon
telefoons

het
geld

de
baan
banen

het
ziekenhuis
ziekenhuizen

de
dokter
dokters

het
kantoor
kantoren

de
president
presidenten

de
politieagent
politieagenten

de
verpleegster
verpleegsters

rood

zwart

wit

geel

groen

blauw

grappig

snel

langzaam

moeilijk

eerlijk

oneerlijk

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

rijk

Dit is moeilijk

gemakkelijk

zwak

sterk

arm

trots

moe

veilig

gezond

ziek

vol

hoog

laag

boos

altijd

elk

recht

al

weer

eigenlijk

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

meer

meest

minder

heel

geen

Ik wil meer

de
koe
koeien

het
varken
varkens

het
dier
dieren

het
schaap
schapen

de
hond
honden

het
paard
paarden

de
beer
beren

de
kat
katten

de
aap
apen

de
vlinder
vlinders

de
eend
eenden

de
kip
kippen

de
spin
spinnen

de
vis
vissen

de
bij
bijen

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

binnen

buiten

de
slang
slangen

beneden

dichtbij

ver

voor

naast

boven

zuur

zoet

achter

hard

zacht

raar

gek

dom

schattig

klein

lang

druk

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

cool

verrast

bezorgd

slim

boosaardig

beleefd

het
hoofd
hoofden

heet

koud

de
mond
monden

het
haar
haren

de
neus
neuzen

de
hand
handen

het
oog
ogen

het
oor
oren

de
hersenen
hersenen

het
hart
harten

de
voet
voeten

drukken
drukke, gedrukt

duwen
duwde, geduwd

trekken
trok, getrokken

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

vechten
vocht, gevochten

vangen
ving, gevangen

slaan
sloeg, geslagen

lezen
las, gelezen

rennen
rende, gerend

gooien
gooide, gegooid

tellen
telde, geteld

repareren
repareerde, gerepareerd

schrijven
schreef, geschreven

kopen
kocht, gekocht

verkopen
verkocht, verkocht

knippen
knipte, geknipt

dromen
droomde, gedroomd

studeren
studeerde, gestudeerd

betalen
betaalde, betaald

vieren
vierde, gevierd

spelen
speelde, gespeeld

slapen
sliep, geslapen

schoonmaken
maakte schoon, schoongemaakt

genieten
genoot, genoten

uitrusten
uitrustte, uitgerust

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

de
deur
deuren

het
huis
huizen

de
school
scholen

de
bruiloft
bruiloften

de
vrouw
vrouwen

de
man
mannen

thuis

de
auto
auto's

de
persoon
personen

eenentwintig

het
nummer
nummers

de
stad
steden

dertig

zesentwintig

tweeëntwintig

zevenendertig

drieëndertig

eenendertig

vierenveertig

eenenveertig

veertig

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

eenenvijftig

vijftig

achtenveertig

zestig

negenenvijftig

vijfenvijftig

zesenzestig

tweeënzestig

eenenzestig

drieënzeventig

eenenzeventig

zeventig

eenentachtig

tachtig

zevenenzeventig

negentig

achtentachtig

vierentachtig

negenennegentig

vijfennegentig

eenennegentig

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

tienduizend
tienduizenden

duizend
duizenden

honderd
honderden

mijn hond

één miljoen

honderdduizend

zijn auto

haar jurk

jouw kat

jouw team

ons huis

zijn bal

samen

iedereen

hun bedrijf

proost

maakt niet uit

overig

welkom

Ik ben het ermee eens

ontspan

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

sla linksaf

sla rechtsaf

geen zorgen

het
ei
eieren

Kom met mij mee

ga rechtdoor

de
vis
vissen

de
melk

de
kaas
kazen

het
fruit

de
groente
groenten

het
vlees

het
brood
broden

de
olie
oliën

het
bot
botten

het
snoep

de
chocola

de
suiker
suikers

het
water
waters

de
drank
dranken

de
cake
cakes

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

de
thee
theeën

de
koffie
koffies

de
frisdrank
frisdranken

de
salade
salades

de
wijn
wijnen

het
bier
bieren

het
ontbijt
ontbijten

het
nagerecht
nagerechten

de
soep
soepen

de
pizza
pizza's

het
avondeten

de
lunch
lunches

het
treinstation
treinstations

de
trein
treinen

de
bus
bussen

het
schip
schepen

het
vliegtuig
vliegtuigen

de
bushalte
bushaltes

de
motorfiets
motorfietsen

de
fiets
fietsen

de
vrachtwagen
vrachtwagens

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

de
parkeerplaats
parkeerplaatsen

het
stoplicht
stoplichten

de
taxi
taxi's

de
schoen
schoenen

de
kleding

de
weg
wegen

het
overhemd
overhemden

de
trui
truien

de
jas
jassen

de
broek
broeken

het
pak
pakken

het
jack
jacks

de
sok
sokken

het
t-shirt
t-shirts

de
jurk
jurken

de
bril
brillen

de
onderbroek
onderbroeken

de
beha
beha's

de
portemonnee
portemonnees

de
damestas
damestassen

de
handtas
handtassen

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

het
horloge
horloges

de
hoed
hoeden

de
ring
ringen

Mijn naam is David

Hoe heet je?

de
zak
zakken

Gaat alles goed?

Hoe gaat het?

Ik ben tweeëntwintig jaar
oud

de
lente
lentes

Ik mis je

Waar is het toilet?

de
winter
winters

de
herfst
herfsten

de
zomer
zomers

de
maart

de
februari

de
januari

de
juni

de
mei

de
april

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

de
september

de
augustus

de
juli

de
december

de
november

de
oktober

de
markt
markten

de
rekening
rekeningen

het
winkelen

het
appartement
appartementen

het
gebouw
gebouwen

de
supermarkt
supermarkten

de
kerk
kerken

de
boerderij
boerderijen

de
universiteit
universiteiten

de
sportschool
sportscholen

de
bar
bars

het
restaurant
restaurants

de
kaart
kaarten

het
toilet
toiletten

het
park
parken

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

het
pistool
pistolen

de
politie

de
ambulance
ambulances

de
buizenwijk
buitenwijken

het
land
landen

de
brandweerlieden

de
geneesmiddel
geneesmiddelen

de
gezondheid

het
dorp
dorpen

de
operatie
operaties

de
patiënt
patiënten

het
ongeval
ongevallen

de
verkoudheid
verkoudheden

de
koorts
koortsen

de
pil
pillen

de
hoest

de
afpraak
afspraken

de
wond
wonden

de
schouder
schouders

de
kont
konten

de
nek
nekken

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

de
arm
armen

het
been
benen

de
knie
knieën

de
rug
ruggen

de
boezem
boezems

de
buik
buiken

de
lip
lippen

de
tong
tongen

de
tand
tanden

de
maag
magen

de
teen
tenen

de
vinger
vingers

de
zenuw
zenuwen

de
lever
levers

de
long
longen

de
kleur
kleuren

de
darm
darmen

de
nier
nieren

bruin

grijs

oranje

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

zwaar

saai

roze

hongerig

eenzaam

licht

steil

verdrietig

dorstig

vierkant

rond

vlak

diep

breed

smal

noord
noorden

reusachtig

ondiep

west
westen

zuid
zuiden

oost
oosten

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

vol

schoon

vuil

goedkoop

duur

leeg

sexy

licht

donker

gul

moedig

lui

mal

lelijk

knap

blind

schuldig

vriendelijk

droog

nat

dronken

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

rustig

luid

warm

de
badkamer
badkamers

de
keuken
keukens

stil

de
tuin
tuinen

de
slaapkamer
slaapkamers

de
woonkamer
woonkamers

de
kelder
kelders

de
muur
muren

de
garage
garages

het
dak
daken

de
trap
trappen

het
toilet
toiletten

de
kop
koppen

het
mes
messen

het
raam
ramen

de
beker
bekers

het
bord
borden

het
glas
glazen

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

de
tv
tv's

de
kom
kommen

de
afvalbak
afvalbakken

de
spiegel
spiegels

het
bed
bedden

het
bureau
bureaus

de
foto
foto's

de
bank
banken

de
douche
douches

de
stoel
stoelen

de
tafel
tafels

de
klok
klokken

de
buur
buren

de
deurbel
deurbellen

het
zwembad
zwembaden

schieten
schoot, geschoten

kiezen
koos, gekozen

falen
faalde, gefaald

verdedigen
verdedigde, verdedigd

vallen
viel, gevallen

stemmen
stemde, gestemd

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

verbranden
verbrandde, verbrand

stelen
stal, gestolen

aanvallen
aanviel, aangevallen

vliegen
vloog, gevlogen

roken
rookte, gerookt

redden
redde, gered

schoppen
schopte, geschopt

spugen
spooog, gespuugd

dragen
droeg, gedragen

ruiken
rook, geroken

ademen
ademde, geademd

bijten
beet, gebeten

glimlachen
glimlachte, geglimlacht

zingen
zong, gezongen

huilen
hulde, gehuild

krimpen
kromp, gekrompen

groeien
groeide, gegroeid

lachen
lachte, gelachen

delen
deelde, gedeeld

bedreigen
bedreigde, bedreigd

ruzie maken
maakte, gemaakt

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

waarschuwen
waarschuwde, gewaarschuwd

verstopp
verstopte, verstopt

voeden
voedde, gevoed

rollen
rolde, gerold

springen
sprong, gesprongen

zwemmen
zwom, gezwommen

kopiëren
kopieerde, gekopieerd

graven
groef, gegraven

optillen
optilde, opgetild

oefenen
oefende, geoefend

zoeken
zocht, gezocht

bezorgen
bezorgde, bezorgd

douchen
douchte, gedoucht

verven
verfde, geverfd

reizen
reisde, gereisd

wassen
waste, gewassen

op slot doen
deed, gedaan

openen
opende, geopend

het
boek
boeken

koken
kookte, gekookt

bidden
bad, gebeden

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

3%

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

nguyên cứu

het
examen
examens

het
huiswerk

de
bibliotheek
bibliotheken

de
geschiedenis

de
wetenschap

de
les
lessen

het
Frans

het
Engels

de
kunst

drie procent

het
potlood
potloden

de
pen
pennen

de
derde
derden

de
tweede
tweeden

de
eerste
eersten

het
vierkant
vierkanten

het
resultaat
resultaten

de
vierde
vierden

het
onderzoek
onderzoeken

het
oppervlakte
oppervlaktes

de
cirkel
cirkels

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

$x < y$

$x > y$

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

de
master
masters

de
bachelor
bachelors

de
graad
graden

de
stress

x is groter dan y

x is kleiner dan y

de
afdeling
afdelingen

het
personeel

de
verzekering
verzekeringen

de
brief
brieven

het
adres
adressen

het
salaris

de
piloot
piloten

de
detective
detectives

de
kapitein
kapiteins

de
advocaat
advocaten

de
leraar
leraren

de
professor
professors

de
rechter
rechters

de
assistent
assistenten

de
secretaris
secretarissen

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

de
kok
koks

de
manager
managers

de
directeur
directeuren

de
crimineel
criminelen

de
buschauffeur
buschauffeurs

de
taxichauffeur
taxichauffeurs

het
telefoonnummer
telefoonnummers

de
artiest
artiesten

het
model
modellen

de
chat
chats

de
app
apps

het
signaal
signalen

het
e-mailadres
e-mailadressen

de
URL
URL's

het
bestand
bestanden

de
mobiele telefoon
mobiele telefoons

de
e-mail
e-mails

de
website
websites

het
bewijsmateriaal

de
gevangenis
gevangenis

de
wet
wetten

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

de
rechtbank
rechtbanken

de
getuige
getuigen

de
boete
boetes

de
winst
winsten

het
verlies
verliezen

de
handtekening
handtekeningen

de
kredietkaart
kredietkaarten

het
bedrag
bedragen

de
klant
klanten

het
zwembad
zwembaden

de
geldautomaat
geldautomaten

het
wachtwoord
wachtwoorden

de
radio
radio's

de
camera
camera's

de
elektriciteit

de
tas
tassen

de
fles
flessen

het
cadeau
cadeaus

de
engel
engelen

de
pop
poppen

de
sleutel
sleutels

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

de
tandenborstel
tandenborstels

de
tandpasta
tandpasta's

de
kam
kammen

de
zakdoek
zakdoeken

de
crème
crèmes

de
shampoo
shampoos

de
bioscoop
bioscopen

de
TV
TV's

de
lippenstift
lippenstiften

het
kaartje
kaartjes

de
zitplaats
zitplaatsen

het
nieuws

het
podium
podia

de
muziek

het
scherm
schermen

de
grap
grappen

het
schilderij
schilderijen

het
publiek
publieken

het
tijdschrift
tijdschriften

de
krant
kranten

het
artikel
artikelen

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

de
as

de
natuur

de
advertentie
advertenties

de
maan
manen

de
diamant
diamanten

het
vuur

de
ster
sterren

de
zon

de
aarde

de
kust
kusten

het
universum

de
planeet
planeten

de
woestijn
woestijnen

het
bos
bossen

het
meer
meren

de
rivier
rivieren

de
rots
rotsen

de
heuvel
heuvels

het
eiland
eilanden

de
berg
bergen

de
vallei
valleien

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

het
weer

de
zee
zeeën

de
oceaan
oceanen

de
storm
stormen

de
sneeuw

het
ijs

de
plant
planten

de
wind
winden

de
regen
regens

de
roos
rozen

het
gras
grassen

de
boom
bomen

het
metaal
metalen

het
gas
gassen

de
bloem
bloemen

Zilver is goedkoper dan goud

het
zilver

het
goud

het
lid
leden

de
vakantie
vakanties

Goud is duurder dan zilver

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

101

105

110

de
gast
gasten

het
strand
stranden

het
hotel
hotels

het
Nieuwjaar

de
Kerstmis

de
verjaardag
verjaardagen

de
tante
tantes

de
oom
ooms

de
Pasen

de
grootmoeder
grootmoeders

de
grootvader
grootvaders

de
grootmoeder
grootmoeders

het
graf
graven

de
dood
doden

de
grootvader
grootvaders

de
bruidegom
bruidegoms

de
bruid
bruiden

de
scheiding
scheidingen

honderdtien

honderdvijf

honderdeen

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

tweehonderdtwee

tweehonderd

honderdeenenvijftig

tweehonderdtweeënzestig

tweehonderdtwintig

tweehonderdzes

driehonderdzeven

driehonderddrie

driehonderd

vierhonderd

driehonderddrieënzeventig

driehonderddertig

vierhonderdveertig

vierhonderdacht

vierhonderdvier

vijfhonderdvijf

vijfhonderd

vierhonderdvierentachtig

vijfhonderdvijfennegentig

vijfhonderdvijftig

vijfhonderdnegen

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

con hổ

zeshonderdzes

zeshonderdeen

zeshonderd

zevenhonderd

zeshonderdzestig

zeshonderdzesien

zevenhonderdzevenentwintig

zevenhonderdzeven

zevenhonderdtwee

achthonderddrie

achthonderd

zevenhonderdzeventig

achthonderdtachtig

achthonderdachtendertig

achthonderdacht

negenhonderdnegen

negenhonderdvier

negenhonderd

de
tijger
tjigers

negenhonderdnegentig

negenhonderdnegenenveertig

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

het
konijn
konijnen

de
rat
ratten

de
muis
muizen

de
olifant
olifanten

de
ezel
ezels

de
leeuw
leeuwen

de
duif
duiven

de
haan
hanen

de
vogel
vogels

de
kever
kevers

het
insect
insecten

de
gans
ganzen

de
mier
mieren

de
vlieg
vliegen

de
mug
muggen

de
dolfijn
dolfijnen

de
haai
haaien

de
walvis
walvissen

vaak

de
kikker
kikkers

de
slak
slakken

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

hoewel

plotseling

onmiddellijk

het
hardlopen

het
tennis

de
gymnastiek

het
schaatsen

het
golf

het
wielrennen

het
zwemmen

het
basketbal

het
voetbal

Verenigd Koninkrijk

het
hiken

het
duiken

Italië

Zwitserland

Spanje

Thailand

Duitsland

Frankrijk

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japan

Rusland

Singapore

China

India

Israël

Canada

Mexico

Verenigde Staten van
Amerika

Argentinië

Brazilië

Chili

Marokko

Nigeria

Zuid-Afrika

Algerije

Kenia

Libië

Australië

Nieuw-Zeeland

Egypte

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

một giờ sáng

hai giờ chiều

Azië

Europa

Afrika

een half uur

een kwartier

Amerika

vijf over twee

een uur

drie kwartier

tien voor half zes

kwart over vier

tien over drie

vijf over half negen

half acht

vijf voor half zeven

tien voor twaalf

kwart voor elf

tien over half tien

twee uur 's middags

één uur 's ochtends

vijf voor één

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

volgende week
volgende weken

deze week
deze weken

vorige week

volgend jaar
volgende jaren

dit jaar
deze jaren

vorig jaar
vorige jaren

volgende maand
volgende maanden

deze maand
deze maanden

vorige maand
vorige maanden

twalf april negentien
achtentachtig

vijfentwintig februari
tweeduizend drie

een januari tweeduizend
veertien

twalf december
tweeduizend

dertig september
negentienzeven

dertien oktober achttien
negenennegentig

de
kin
kinnen

de
rimpel
rimpels

het
voorhoofd
voorhoofden

de
wimpers

de
baard
baarden

de
wang
wangen

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

de
nek
nekken

de
taille
tailles

de
wenkbrauw
wenkbrauwen

de
pink
pinken

de
duim
duimen

de
borst
borsten

de
wijsvinger
wijsvingers

de
middelvinger
middelvingers

de
ringvinger
ringvingers

de
hiel
hielen

de
vingernagel
vingernagels

de
pols
polsen

het
bot
botten

de
spier
spieren

de
wervelkolom
wervelkolommen

de
wervel
wervels

de
rib
ribben

het
skelet
skeletten

de
slagader
slagaders

de
ader
aders

de
blaas
blazen

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

de
penis
penissen

het
sperma

de
vagina
vagina's

pittig

sappig

de
zaadbal
zaadballen

gekookt

rauw

zout

streng

gulzig

verlegen

doof